TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Cường và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị H - sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: thôn QT, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nơi ở: thôn TX, xã LT, T1 phố PL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: anh Trần Trung K - sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn QT, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2021 và bản tự khai, nguyên đơn - chị Lê Thị H trình bày:* chị và anh Trần Trung K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 24/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh K tại thôn QT, xã TH. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung; đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, trái ngược nhau về cách sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Ngoài ra, anh K mải chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, nên làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Do không chịu đựng được cách sống của anh K, nên ngày 28/4/2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn TX, xã LT, T1 phố PL, tỉnh Hà Nam sinh sống. Từ đó cho đến nay, vợ

chồng sống ly thân, chấm rứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không T1. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Trung T1 - sinh ngày 08/10/2009 và Trần Đức D - sinh ngày 18/3/2014, hiện tại các cháu đang được chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Trung T1 và cháu Trần Đức D ngày 27/8/2021, các cháu đều trình bày:* nếu bố mẹ ly hôn, thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

** Tại biên bản làm việc ngày 05/11/2021, chính quyền, đoàn thể xã TH xác định:* chị Lê Thị H và anh Trần Trung K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được UBND xã TH cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2008. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình anh K tại thôn QT, xã TH và anh chị đã xây nhà trên đất của gia đình anh K để vợ chồng chuyển ra ở riêng; khoảng đầu năm 2021, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên đánh cãi chửi nhau; ngoài ra, anh K mải chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Đến tháng 4 năm 2021, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã LT, T1 phố PL, tỉnh Hà Nam sinh sống. Do chị H gửi hồ sơ xin ly hôn với anh K trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện TL mà không qua chính quyền địa phương, nên ngoài mâu thuẫn trên, anh chị còn mâu thuẫn gì nữa không thì chính quyền không nắm được. Nay, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K, đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tình trạng hôn nhân thực tế của anh chị để giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến, quan điểm của anh K và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

**** Tại phiên toà:***

- Nguyên đơn là chị Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu về việc xin ly hôn với anh Trần Trung K. Về con chung, chị nhất trí thỏa thuận với anh K: chị H nuôi dưỡng cháu Trần Trung T1, anh K nuôi dưỡng cháu Trần Đức D; không bên nào pH cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Bị đơn là anh Trần Trung K nhất trí ly hôn, đồng ý thỏa thuận về nuôi con và án phí ly hôn như chị H trình bày. Về tài sản và công nợ, anh nhất trí chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trần Trung K. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Giao cháu Trần Trung T1 - sinh ngày 08/10/2009 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Đức D - sinh ngày 18/3/2014 cho anh Trần Trung K trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; không bên nào pH cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về án phí, chị Lê Thị H có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Trung K hiện đang cư trú tại xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Trần Trung K là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh chị tính tình không hợp, trái ngược nhau về cách sống; ngoài ra, do anh K mải chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, nên anh chị thường xuyên cãi chửi nhau, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Anh chị đã có thời gian sống ly thân dài và không quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên nhủ để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không T1. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H và anh K thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: chị H và anh K có 02 con chung là Trần Trung T1 - sinh ngày 08/10/2009 và Trần Đức D - sinh ngày 18/3/2014, hiện 02 cháu đang

được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị thỏa thuận giao cháu Trần Trung T1 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Đức D cho anh Trần Trung K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật; nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H và anh K đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Lê Thị H và anh Trần Trung K thỏa thuận chị H có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trần Trung K.

2. Về nuôi con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Giao cháu Trần Trung T1 - sinh ngày 08/10/2009 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Đức D - sinh ngày 18/3/2014 cho anh Trần Trung K trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; không bên nào pH cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Lê Thị H và anh Trần Trung K mỗi người pH nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về án phí. Chị H có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hà Nam theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005019 ngày 27/7/2021.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã TH, huyện TL;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Xuân Cảnh